

Tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số ở miền núi phía bắc Việt Nam

Hoàng Thị Lan *

Tóm tắt: Khu vực miền núi phía bắc Việt Nam có cộng đồng dân cư khá đa dạng, gồm hơn 30 dân tộc; trong đó đồng bào các dân tộc thiểu số chiếm hơn 60% dân số. Đồng bào các dân tộc thiểu số ở khu vực này có đời sống tâm linh, tín ngưỡng khá phong phú đa dạng. Đa phần các tộc người thiểu số ở khu vực đều theo tín ngưỡng đa thần. Mỗi dân tộc thiểu số có những sắc thái riêng trong sinh hoạt tín ngưỡng, song có thể nhận diện đời sống tín ngưỡng của đồng bào qua một số loại hình, như: thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng liên quan đến cộng đồng, tín ngưỡng liên quan đến tự nhiên, tín ngưỡng liên quan đến sản xuất và tín ngưỡng liên quan đến vòng đời người.

Từ khóa: Tín ngưỡng; dân tộc thiểu số; khu vực miền núi phía bắc.

1. Mở đầu

Khu vực miền núi phía bắc của Việt Nam bao gồm các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Hoà Bình, Tuyên Quang, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Giang và khu vực phía Tây Thanh Hóa, Nghệ An.

Khu vực này có cộng đồng dân cư khá đa dạng, gồm hơn 30 dân tộc khác nhau, như: Kinh, Thái, Mường, Mông, Dao, Tày, Nùng, Khơ Mú, Giáy, Hà Nhì, Lào, Lự, Cống, Si La, Sán Dìu,... trong đó, đồng bào các dân tộc thiểu số chiếm hơn 60% dân số, với các dân tộc thiểu số đông dân, bao gồm: Tày, Thái, Mường, Mông, Nùng, Dao.

Đồng bào các dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía bắc có đời sống tâm linh, tín ngưỡng khá phong phú đa dạng. Đa phần các tộc người thiểu số đều theo tín ngưỡng đa thần. Có thể khái quát một số loại hình tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía bắc như sau:

2. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên

Thờ cúng tổ tiên là một tín ngưỡng, một tập tục truyền thống có vị trí hết sức đặc biệt trong đời sống tinh thần của nhiều cộng đồng dân tộc trên thế giới. Ý thức “con người có tổ, có tông” được bảo tồn trong cõi tâm linh và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác với niềm tin rằng tổ tiên mình thiêng liêng, đi vào cõi vĩnh hằng nhưng vẫn ở bên cạnh con cháu, phù hộ cho con cháu khi gặp tai ương, khó khăn; vui mừng khi con cháu gặp may mắn, khuyến khích cho con cháu khi gặp điều lành và cũng quở trách con cháu khi làm những điều tội lỗi...

Ở Việt Nam, thờ cúng tổ tiên là tín ngưỡng phổ biến không chỉ ở người Kinh mà còn được lưu giữ trong một số cộng

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Tôn giáo, Tín ngưỡng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. ĐT: 0912670204. Email: hoanglantghv@gmail.com.

đồng các tộc người thiểu số. Với người Mường, thờ cúng tổ tiên là hình thức tín ngưỡng phổ biến. Trong gia đình người Mường, bàn thờ tổ tiên được đặt ở nơi trang trọng nhất, đó là gian voóng (gian khách), đây là nơi linh thiêng nên kiêng kỵ không được nằm hướng chân về phía bàn thờ từ tất cả các phía trong nhà. Giống như người Kinh, việc thờ cúng tổ tiên ở người Mường do con trai trưởng của gia đình thực hiện. Người Mường không cúng giỗ tổ tiên, ông bà, cha mẹ vào ngày mất hàng năm mà chỉ cúng vào ngày 29, 30 và sáng sớm mừng một tết Nguyên Đán. Ở một số địa phương nơi người Mường sống tiếp giáp với người Kinh, hiện nay người Mường cũng tổ chức cúng giỗ tổ tiên giống như người Kinh, nhưng nếu người Kinh lấy ngày chết của tổ tiên làm ngày giỗ thì người Mường lấy ngày đưa người chết đi chôn làm ngày giỗ. Người Mường thờ tổ tiên trong vòng 4 đời. Hiện nay, có nơi người Mường cúng giỗ 4 đời tổ tiên vào các ngày giỗ khác nhau, nhưng cũng có nơi, cả 4 đời tổ tiên của người Mường đều có chung một ngày giỗ đó là ngày chôn của người chết cuối cùng trong 4 đời.

Với người Mông, cũng giống như các dân tộc thiểu số khác ở khu vực miền núi phía bắc, người Mông có đời sống văn hóa, tín ngưỡng khá phong phú. Sự đa dạng về văn hóa, tín ngưỡng trong cộng đồng người Mông được thể hiện trong từng gia đình, dòng họ qua cách thờ cúng, kiêng kỵ và những quan niệm khác nhau về thế giới tâm linh. Tuy nhiên, sự tương đồng trong sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của các dòng họ người Mông thể hiện rõ trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Trong cộng đồng người Mông, ý thức về tổ tiên và sự thờ cúng tổ

tiên không rõ nét như cộng đồng người Kinh, người Mường và một số dân tộc khác. Người Mông không lập bàn thờ tổ tiên, cũng không cúng giỗ tổ tiên giống như người Kinh. Lễ cúng tổ tiên chỉ được người Mông thực hiện mỗi khi gia đình có công việc hệ trọng như lễ cưới, lễ com mới, tết dân tộc... Mỗi khi cần cúng lễ tổ tiên, người Mông mới lập bàn thờ. Bàn thờ tổ tiên có thể là 1 chiếc bàn, ghế dài đặt ngay dưới bàn thờ thần bảo hộ gia đình (chính giữa nhà). Tổ tiên, theo quan niệm của đa số các gia đình, dòng họ Mông là tổ tiên 3 đời trực hệ (một số ít dòng họ thờ tổ tiên đến 5 đời như dòng họ Thào).

Đối với tộc người Thái, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở mỗi gia đình, dòng họ được thể hiện khá rõ nét. Trong quan niệm của người Thái, con người là sự kết hợp của thể xác và linh hồn. Khi người chết thì hồn sẽ biến thành ma (phi). Trong thế giới vạn vật hữu linh của người Thái có rất nhiều loại ma cai quản khắp nơi, nhưng với người chết thì ma sẽ được cúng đưa về trú ngụ ở 3 nơi, đó là ma nhà (phi hươn), ma ở mộ (phi pá heo) và ma tổ tiên dòng họ ở trên trời (phi đằm mừng phạ, mừng Then). Theo tập quán, vào dịp tết com mới (tết lớn nhất trong năm diễn ra vào khoảng tháng 10 âm lịch), tất cả các gia đình người Thái đều làm lễ cúng lên tổ tiên vì họ cho rằng, mùa màng có được bội thu là nhờ một phần công lao của tổ tiên đã phù hộ. Ngoài ra, lễ cúng tổ tiên còn được thực hiện vào dịp tết nguyên đán hằng năm.

Với người Tày, thờ cúng tổ tiên là hình thái tín ngưỡng tiêu biểu nhất trong đời sống tâm linh. Trong gia đình người Tày, bàn thờ tổ tiên được đặt ở nơi trang trọng nhất, chính giữa của mỗi nhà. Cũng giống

như người Kinh và người Mường, thờ cúng tổ tiên là trách nhiệm của con trưởng trong gia đình người Tày. Người Tày cúng lễ tổ tiên vào các dịp lễ, tết và mỗi tháng 2 lần vào ngày mùng một và ngày rằm âm lịch.

Với người Nùng, thờ cúng tổ tiên cũng được thực hiện trong từng gia đình, không phân biệt gia đình đó thuộc chi trưởng hay chi thứ. Sau khi bố mẹ qua đời, vong linh được rước về thờ tại nhà của các con. Giống như nhiều dân tộc khác, bàn thờ tổ tiên trong gia đình người Nùng được đặt ở nơi trang trọng nhất, thường ngang với sàn nhà ở gian giữa, nằm giữa 2 cột chính. Tổ tiên được người Nùng cúng lễ mỗi tháng 2 lần, vào ngày rằm và mùng một và vào các dịp lễ, tết hàng năm. Tổ tiên trong quan niệm của người Nùng không phân biệt bao nhiêu đời, từ bố mẹ trở lên đều được thờ tại bàn thờ của gia đình.

Thờ cúng tổ tiên cũng được người Dao đặc biệt quan tâm. Người Dao thờ tổ tiên trong 5 đời trực hệ. Trong nhà bất cứ người Dao nào (đặc biệt là Dao đỏ), dù nghèo túng cũng phải có bàn thờ tổ tiên. Tổ tiên trong quan niệm của người Dao được coi như thần bản mệnh, vì vậy trong gia đình mỗi khi có công việc lớn như cưới xin, làm nhà, ốm đau... họ đều cầu cúng để tổ tiên phù hộ. Ngoài ra, người Dao thường thờ cúng tổ tiên vào dịp từ 25 tháng 12 đến 15 tháng giêng với ý nghĩa mời tổ tiên về ăn tết cùng con cháu sau một năm lao động và mong tổ tiên phù hộ cho một năm mới mùa màng bội thu.

3. Tín ngưỡng liên quan đến cộng đồng

Ngoài thờ cúng tổ tiên trong gia đình, dòng họ, đồng bào các dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía bắc còn có một số tín ngưỡng chung của cộng đồng.

Người Thái ngoài thờ cúng ma nhà, ma tổ tiên, còn thờ cúng ma bản, mường. Theo quan niệm của người Thái, ma bản, mường là một thể thống nhất bao gồm linh hồn của tất cả mọi thành viên trong cùng một đơn vị cư trú là bản hoặc mường, trong đó, linh hồn của người đầu tiên có công “khai sơn, phá thạch” lập ra bản hoặc mường được coi là linh hồn chủ. Ngoài ra phi bản, mường còn bao gồm cả nhiều thể lực siêu nhiên khác, đó là những ma chủ đất, ma chủ nước và nhiều loại ma khác cùng tồn tại trong phạm vi bản, mường. Do vậy, nói đến phi bản, phi mường thực chất là nói đến linh hồn của toàn bản, mường. Cho nên, cũng có thể hiểu ma bản, mường là những vị thần trông coi và bảo vệ cho cuộc sống của con người, đồng thời là những vị thần bảo vệ cho tất cả núi, rừng, đồng ruộng trong vùng, cũng như các loại động thực vật sống ở trong đó [7, tr.378 - 401]. Xuất phát từ những quan niệm trên, mỗi bản hay mường của người Thái bao giờ cũng có một đền thờ ma bản, ma mường được xây dựng ở cạnh một khu rừng đầu bản, mường.

Người Mường có một hệ thống tín ngưỡng liên quan đến cộng đồng khá phong phú như thờ Quốc Mẫu Vua Bà, thờ thần núi Tản Viên, thờ thần đất, thờ thành hoàng làng [1, tr.224 - 232]. Quốc Mẫu Vua Bà là vị thần được tôn thờ và được đặt ở vị trí trang nghiêm nhất trong các thần điện công cộng ở nhiều địa phương người Mường. Theo truyền thuyết lưu truyền trong dân gian, Vua Bà chính là mẹ của thần Tản Viên, bà đã chia tay chồng đem theo các con đi mở mang, khai phá vùng thượng nguồn sông Đà, lập nên các vùng đất Mường Bi, Mường Vang, Mường Thàng, Mường Động, Mường Âm, Mường Lão.

Thần núi Tản Viên được người Mường tôn kính gọi là Bua Thơ, Pua Ba Vi (vị vua ở núi Ba Vi), được thờ khá phổ biến trong các gia đình người Mường và được thờ làm thành hoàng ở nhiều bản, mường của người Mường. Các đền, miếu thờ Thần Tản Viên của cộng đồng thường được lập ở trung tâm các Mường, lễ hội thờ cúng Tản Viên được tổ chức hàng năm với nhiều nghi thức đặc sắc.

Tín ngưỡng thờ thành hoàng làng cũng là một loại hình tín ngưỡng phổ biến của người Mường, đây là vị thần bảo trợ, che chở cho bản mường. Thành hoàng mường có thể là một hay nhiều vị thần được thờ tại quán, miếu hay các đền thờ. Ngoài Đức thánh Tản Viên - nhân vật nổi tiếng được thờ làm thành hoàng làng ở khắp các vùng người Mường, ở các địa phương khác nhau có các vị thần khác nhau được tôn làm thành hoàng làng.

Cũng giống như nhiều dân tộc thiểu số khác trong khu vực, người Tày, người Nùng cũng có những tín ngưỡng chung của cộng đồng. Trong phạm vi thôn bản, người Tày thờ thổ công (Cốc bản), thổ địa, thờ các vị thánh trong vùng mà họ gọi là thần (thần), đây là các vị thần chung của bản, mường, là người bảo vệ cho làng bản, mùa màng (có nhiều cách gọi tên các vị thần bản, mường như: Mường Pha Hán, Man Phia Tiên, Nàng tiên chúa Ngọc Cầm...). Các vị thần chung của cộng đồng được người Nùng cúng lễ vào dịp tết Nguyên đán và mùa xuân hàng năm.

Người Dao có tục thờ Bàn Hồ là nhân vật huyền thoại, được coi là thủy tổ của dân tộc Dao, được nhắc tới trong truyện kể dân gian, thần tích và các truyện thơ. Giống như thần núi Tản Viên của người Mường, Bàn Hồ hay Bàn Vương của người Dao ngoài

việc được thờ trong các gia đình, dòng họ còn được thờ chung ở các đền thờ công cộng của bản, mường.

4. Tín ngưỡng liên quan đến tự nhiên

Đồng bào các dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía bắc hiện vẫn còn tôn thờ rất nhiều các hiện tượng tự nhiên. Theo quan niệm của người Thái, bất cứ chỗ nào trong tự nhiên cũng được coi là có ma. Các ma làm chủ theo từng địa vực mà chúng quản lý và cứ ma nào đến trước, ma đó sẽ là chủ và có quyền cai quản khu vực đó. Có thể kể ra một số loại ma tương đối phổ biến được người Thái thờ phụng như: ma chủ đất là ma cai quản ở một khu đất nhất định; ma nương là ma trông coi một khu rừng; ma ruộng là ma cai quản các cánh đồng; ma nghĩa địa là linh hồn của con người sau khi chết; ma đốn là loại ma chuyên gây đau bụng; ma cây đa là ma ngụ ở chỗ nhánh rễ phụ của cây đa; ma thường luồng là loại ma sống ở những vũng nước sâu của các con sông lớn; ma suối là loại ma có rất nhiều ở các khe suối sâu...

Tương tự như người Thái, người Mường cũng tôn thờ rất nhiều hiện tượng tự nhiên như thờ thần đất, thờ đá, thờ quả, thờ cây. Hầu hết các gia đình người Mường đều lập bàn thờ thần đất ở trước sân hoặc ở đầu hồi nhà. Người Mường còn thờ những hòn đá có hình thù kỳ lạ, thờ các loại quả như bầu, bí. Ngoài ra, các loài cây như cây mía, cây lúa, cây si, cây chu đồng, cây đa, cây gạo cũng được người Mường thờ cúng. Đặc biệt, cây si, cây chu đồng xuất hiện rất sớm trong các tác phẩm văn học dân gian Mường, điển hình như mo để đất, để nước, hoặc thường xuyên xuất hiện trong các lễ thức quan trọng của vòng đời người.

Người Mường còn thờ các loài động vật như hổ, báo, hươu, nai và các vật nuôi trong

nhà như trâu, bò, lợn, gà... Các bài mo trong đám tang cổ truyền có những đoạn kể tạ ơn các con vật đã gắn bó thân thiết với con người. Bên cạnh đó, người Mường còn thờ cóc (chàng hạc) là loài đã có công gọi mưa, thờ mó nước (vó rác), thờ thần mưa (ma khú) với mong muốn mưa thuận gió hòa để việc trồng cây, canh tác được thuận lợi...

Người Mông, người Nùng, người Pu Páo... ở một số địa phương trong khu vực thờ thần rừng với những truyền thuyết cổ xưa về sự linh thiêng của những khu rừng cấm, rừng thiêng và hiện vẫn còn những khu rừng cấm có địa thế đẹp trong bản, mường với những quy định “bất khả xâm phạm” cùng lễ hội cúng thần rừng độc đáo được tổ chức hàng năm.

5. Tín ngưỡng liên quan đến sản xuất

Đa phần các dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía bắc Việt Nam đều sinh sống bằng nghề trồng trọt, chăn nuôi. Vì vậy các loại hình tín ngưỡng liên quan đến sản xuất nông nghiệp có mặt trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của hầu hết đồng bào.

Người Mường với hoạt động kinh tế chủ yếu là kinh tế nông nghiệp lúa nước, vì vậy, người Mường có một hệ thống các nghi lễ tín ngưỡng liên quan đến mùa màng theo chu kỳ sinh trưởng của cây lúa như: tín ngưỡng thờ thần nông nghiệp vua Dol, tín ngưỡng vía lúa. Trong các bài văn tế của người Mường, thần nông nghiệp gọi là Cun Không Dol, dân gian gọi là Cul Không, tên nôm là chàng Quây nước mạ. Trước mỗi khi bắt đầu một mùa vụ mới, gia đình phải làm lễ cúng Cun Không để vị thần nông nghiệp này bảo trợ cho hạt giống phát triển, mùa màng tươi tốt. Trồng cây lúa nước là hoạt động kinh tế chủ yếu và cây lúa là cây lương thực chính của người Mường, do đó, người Mường đặc biệt coi

trọng, tôn sùng cây lúa và đã hình thành nên tín ngưỡng với hàng loạt các nghi lễ thờ cúng vía lúa. Ngoài ra, người Mường còn có tín ngưỡng trong săn bắt và đánh cá với những nghi lễ nhất định nhằm cầu xin thần rừng, thần núi, thần sông suối phù hộ cho việc săn bắt và đánh cá gặp nhiều thuận lợi.

Người Thái, người Tày, người Nùng, người Dao, người Sán Chỉ, người Hà Nhì, người Giáy... đều tin vạn vật có linh hồn, tin có các vị thần hỗ trợ cho mùa màng sản xuất, vì vậy, hàng năm, vào mùa xuân (trước vụ mùa sản xuất), đồng bào các dân tộc nói trên đều có những nghi lễ xuống đồng (còn gọi là lễ hội lồng tồng, lễ cầu mùa) nhằm cầu xin thần linh phù hộ cho một mùa màng thuận lợi, bội thu, vạn vật phong đăng, phồn thực. Một số dân tộc như người Thái, người Lô Lô còn có các nghi lễ cầu mưa vào những năm hạn hán nhằm cầu mong các vị thần phù hộ cho trời đất mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi, mong cho cuộc sống của người dân được đầy đủ...

6. Tín ngưỡng liên quan đến vòng đời

Nghi lễ vòng đời là những nghi lễ thể hiện tín ngưỡng liên quan đến cá nhân con người từ khi sinh ra đến khi chết. Nghi lễ vòng đời người là nghi lễ mà gia đình, tộc họ, cộng đồng thực hiện cho mỗi con người qua các giai đoạn như sinh nở, trưởng thành, lễ hỏi, cưới, chữa bệnh, tang ma...

Các dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía bắc Việt Nam có một hệ thống các nghi lễ vòng đời rất đa dạng, phong phú. Mỗi dân tộc đều có những kiêng kỵ và những lễ nghi nhất định xoay quanh các mốc thời gian quan trọng trong chu kỳ của một đời người từ khi sinh ra cho đến khi chết.

Giai đoạn sinh nở, với đa phần các dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía bắc, người phụ nữ phải kiêng kỵ rất nhiều thứ:

phụ nữ Mường khi mang thai phải kiêng không ăn ốc, không uống nước đựng trong ống bương chặt vát đầu, không ăn cá nướng, cá nấu canh, không được dẫm chân lên vỏ cây dùng làm quan tài, không ngồi ở bậc thang lên sàn nhà, không bước qua dây buộc trâu, không được tham gia vào các lễ hội và các nghi thức cúng tế của làng, xóm, không được sinh con ở nhà mẹ đẻ... Khi sinh con xong phụ nữ các dân tộc thiểu số cũng phải kiêng kỵ rất nhiều thứ như: phải nằm cạnh bếp lửa, ăn cơm lam trong ống nứa, khách lạ không được đến thăm... Thậm chí, ở một số dân tộc (Thái, Mường...) không chỉ người phụ nữ mang thai, sinh nở phải kiêng kỵ mà chồng của người phụ nữ mang thai cũng phải kiêng một số việc nhất định.

Đứa trẻ mới được sinh ra cũng được thực hiện rất nhiều nghi lễ như lễ gọi hồn (trẻ em người Mông khi được 3 ngày), lễ đầy cữ (trẻ em người Thái khi được 10 ngày), lễ cúng mụ (trẻ em người Mường con trai được 7 ngày, con gái được 9 ngày), lễ đặt tên (trẻ em người Thái khi được 2 - 3 tháng), lễ cúng báo ma nhà (trẻ em người Thái), lễ mừng cháu (trẻ người Mường khi được đầy tháng), lễ mừng tuổi (trẻ người Mông khi được 1 tuổi), lễ tạ ơn bà Mụ (trẻ em người Mường được 12 tuổi)... Khi trẻ hay quấy khóc hoặc ốm, đau, thầy mo, thầy cúng sẽ được mời đến làm lễ gọi hồn cho trẻ và xua đuổi tà ma. Khi cho trẻ đi chơi xa, gia đình thường lấy nhọ nôi bôi lên mặt trẻ và đem theo một con dao để ma quỷ và vía dữ trên đường không dám đến gần, không nhận dạng bắt vía làm hại trẻ.

Hôn nhân của đồng bào các dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía bắc cũng có rất nhiều nghi lễ, phong tục, tập quán mang sắc thái đặc thù riêng của mỗi dân tộc. Tuy nhiên, nhìn chung, đa số hôn nhân của các

dân tộc đều trải qua các bước cơ bản như: dạm ngõ, ăn hỏi, lễ cưới.

Lễ dạm ngõ của đồng bào các dân tộc thường có các ông mối, bà mối (là người tốt, tinh thông tục lệ, giỏi giang việc giao dịch, gia đình hạnh phúc, đông con, nhiều cháu) là người thay mặt nhà trai đến đặt vấn đề với nhà gái (người Thái, người Mường, người Mông...). Lễ ăn hỏi thường bao gồm rất nhiều lễ vật như: gạo, thịt, rượu, gà, trâu, cau, vòng bạc... Số lượng lễ vật khác nhau tùy từng dân tộc, từng địa phương. Lễ cưới của các dân tộc được tiến hành với rất nhiều thủ tục, nghi lễ và những kiêng kỵ khác nhau. Người Mường kiêng cưới hỏi vào các tháng ba, tháng bảy, tháng năm, tháng sáu; ngày cưới hỏi phải là những ngày đầu hoặc giữa tháng; đón dâu phải đi theo đường chính, không ai được bỏ về giữa chừng... Những người đi đón dâu về đến chân cầu thang phải lần lượt rửa chân sau đó mới được lên nhà; cô dâu và phù dâu không được bước vào bậc thang thứ nhất... Người Mông có tục “bắt vợ”; trong đám cưới của người Mông, số người của đoàn đưa dâu về đến nhà trai phải là số chẵn; trước khi được đón vào nhà trai, cô dâu phải làm lễ nhập hồn... Người Thái và người Mường có tục ở rể (nay ở nhiều vùng không còn tục này và đã được quy đổi thời gian ở rể thành giá trị hiện vật hoặc bằng tiền).

Hầu hết các dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía bắc đều theo tín ngưỡng đa thần. Vì vậy, khi ốm đau, bệnh tật, họ thường cầu cúng các loại thần linh phù hộ và đuổi trừ tà ma. Người Thái quan niệm, con người sống được là nhờ có linh hồn (*khuôn, vãn*) ngụ trong thể xác. Khi các linh hồn ngụ ở trong thể xác thì chúng bảo vệ cho thể xác không bị ốm đau, bệnh tật. Khi hồn tách khỏi cơ thể hay rời bỏ một bộ

phần nào đó của cơ thể con người thì lập tức bộ phận đó sẽ bị đau ốm. Vì thế, người ta phải cúng để gọi hồn trở về nhập vào đúng vị trí của nó. Người Mường quan niệm, mỗi con người khi sinh ra đều có hồn, có vía. Vì vậy, sau khi trẻ nhỏ được sinh ra một tuần, người ta tổ chức lễ giữ vía cho trẻ gọi là lễ *na mụ*. Mỗi khi ốm đau, bệnh tật, người ta làm lễ giữ vía (gọi là *woái thấn*) để tẩy rửa bệnh tật, cầu khoẻ mạnh [7, tr.378 - 401]. Với người Mông, người đau ốm là do hồn đi chơi vắng hoặc có một loại ma nào đó bắt mất hồn, hoặc có thể do con người xúc phạm đến tổ tiên. Vì vậy, khi trong nhà có người bị ốm đau, bệnh tật, gia chủ cũng sẽ mời thầy cúng để tìm hiểu nguyên nhân, sau đó sẽ làm lễ đuổi ma hoặc lễ tạ lỗi cho người ốm.

Tang ma là một trong những phong tục chứa đựng nhiều nghi lễ tín ngưỡng, mang đậm bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía bắc. Với người Thái, khi có người chết nhất thiết phải có hai người dẫn đường hát cúng đưa hồn người chết về mừng trời. Khi đưa tang, quan tài không được đưa đi lối cửa và cầu thang thông thường mà phải phá vách nhà, làm cầu thang mới đưa quan tài xuống sân. Trên đường đưa tang, con gái, con dâu phải quỳ xuống, hướng mặt về phía huyệt mộ để người khiêng đưa quan tài đi qua trên đầu 2 lần... Người Thái không có tục bốc mộ như người Kinh, huyệt mộ được đào sâu chôn chặt một lần. Mộ chôn được đánh dấu bằng 2 hòn đá (*hòn mố*) ở 2 đầu. Nếu người chết đã có gia đình, người ta sẽ cắm cây cột mồ (*chào phạ*) (những người chết chưa lập gia đình, có tuổi đời khoảng từ 17 - 18 trở lên, nếu gia đình có điều kiện cũng có thể làm cây cột mồ). Con cháu bên ngoại chỉ để tang trong ngày làm đám, con

cháu bên nội để tang từ 3 - 12 tháng, con để để tang 7 tháng, vợ để tang chồng bằng cách hạ búi tóc *tằng cầu* xuống sau gáy, thời gian để tang chồng từ 2 - 3 tháng đến một năm.

Với người Mường, chết không phải là hết mà khi đó hồn người tiếp tục sống một cuộc sống ở thế giới khác. Với những người trẻ tuổi và người chết bất đắc kỳ tử, tang lễ thường được tổ chức đơn giản, còn những người chết bình thường, tang lễ được tổ chức theo những nghi thức rất cầu kỳ. Người chết sẽ được tắm bằng nước lá thơm, được mặc quần, áo mới xỏ gấu, xỏ vạt. Việc phát tang được chọn giờ cẩn thận, quần áo mặc trong tang lễ cũng được quy định chặt chẽ cho con trai, con gái, con dâu, cháu chắt. Người chết không được đưa đi chôn ngay mà nhất thiết phải tổ chức những đêm mo. Tuỳ theo địa vị kinh tế, xã hội của gia chủ, tuỳ tuổi của người chết mà có những đêm mo đơn giản hay cầu kỳ.

Khi đưa tang, quan tài được đặt trên hai đòn khiêng, trên quan tài là một bát nước và một ngọn đèn. Trong quá trình đưa tang tuyệt đối không được để đổ bát nước và tắt đèn. Trước khi đưa quan tài xuống huyệt, ông mo làm lễ gọi hồn, sau đó hạ quan tài vào huyệt, con trai trưởng xúc ba xèng đất, rồi tất cả mọi người có mặt ném đất xuống lấp mộ. Các công cụ sản xuất, dày dếp, quần áo sẽ được để lại bên mộ. Sau ba tháng gia đình làm lễ nhuộm quần áo tang. Sau ba năm mãn tang, quần áo được đem đốt. Từ đây không cúng, giỗ nữa mà chỉ cúng vào dịp lễ, tết. Người Mường không có tục cải táng như người Kinh. Trường hợp bất đắc dĩ người Mường mới phải chuyển mộ.

Đám tang của người Mông cũng là một hiện tượng văn hoá đặc sắc với nhiều nghi

lễ khác nhau. Người Mông quan niệm, thế giới gồm 3 tầng: tầng trời là thế giới tổ tiên; tầng giữa là thế giới con người và tầng dưới lòng đất là địa ngục, âm phủ. Con người có 3 linh hồn, khi chết 3 linh hồn lìa khỏi xác và đi đến 3 nơi khác nhau: linh hồn gốc đi sang thế giới tổ tiên; linh hồn thứ hai sẽ bay lên trời sống; linh hồn thứ ba đầu thai để sống ở trần gian (khi còn sống con người làm nhiều điều tốt, hồn sẽ được đầu thai làm người, nếu làm nhiều điều ác thì hồn sẽ bị đầu thai làm con vật như trâu, bò, chó, ngựa). Nghi lễ tang ma của người Mông có liên quan chặt chẽ đến quan niệm về thế giới 3 tầng, về 3 linh hồn của con người với một loạt các nghi lễ cơ bản như: lễ cúng chỉ đường (*khúa kê* - thầy cúng kể về nguồn gốc vũ trụ và loài người, kể về nguyên nhân cái chết, kể về chặng đường đi đến thế giới tổ tiên với nhiều khó khăn, thử thách); lễ viếng, lễ *chí xáy* (hát đối đáp với người đến viếng kể lại công ơn của người chết, xin khách bỏ qua những lỗi lầm, sai sót trước đây của người đã chết...).

Khi người chết được đưa ra bãi tha ma, người Mông làm lễ hiến tế trâu, bò cho người chết rồi mổ thịt trâu, bò, làm cỗ, tổ chức ăn uống ngay trên bãi quanh xác người chết. Sau khi người chết được ba ngày, tang chủ làm lễ cúng cơm *ma xi*, sau 13 ngày, làm lễ thả hồn (*Uô plix*) và 13 ngày sau khi chôn, con trai trưởng làm lễ ma trâu (nhu đá) cho người chết. Lễ vật dâng cúng trong lễ ma trâu là trâu hoặc bò. Trong lễ ma trâu, con cháu trong dòng họ tụ tập ăn uống, nghe trưởng họ kể về sự tích và cùng nhau nhắc nhở về các tục lệ của dòng họ [6, tr.106 - 132]...

7. Kết luận

Nhìn chung, đồng bào các dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía bắc có đời sống

tín ngưỡng khá phong phú, đa dạng. Hệ thống tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc chứa đựng nhiều giá trị văn hóa mang đậm bản sắc tộc người. Tuy nhiên, bên cạnh đó, sinh hoạt tín ngưỡng, tâm linh của đồng bào cũng còn tồn tại nhiều những hủ tục lạc hậu gây cản trở không nhỏ cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự chuyển đổi đức tin trong một bộ phận đồng bào các dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía bắc những năm gần đây.

Tài liệu tham khảo:

- [1] Trần Văn Bính (Chủ biên) (2004), *Văn hóa các dân tộc Tây Bắc, thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Đại học Quốc gia Hà Nội - Chương trình Thái học Việt Nam (1998), *Văn hóa và lịch sử người Thái ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội
- [3] Vũ Ngọc Khánh (2004), *Truyền thống văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
- [4] Hoàng Lương (2004), *Luật tục với việc bảo tồn và phát huy di sản văn hoá truyền thống một số dân tộc ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Văn hoá Dân tộc, Hà Nội.
- [5] Nhiều tác giả (1988), *Người Mường với văn hoá cổ truyền Mường Bi*, Ủy ban Nhân dân huyện Tân Lạc và Sở Văn hoá thông tin Hà Sơn Bình xuất bản
- [6] Vương Duy Quang (2005), *Văn hóa tâm linh của người Hmông ở Việt Nam truyền thống và hiện đại*, Nxb Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội,.
- [7] Cầm Trọng (1978), *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] *Văn hoá các dân tộc vùng Tây Bắc Việt Nam* (2005), Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

